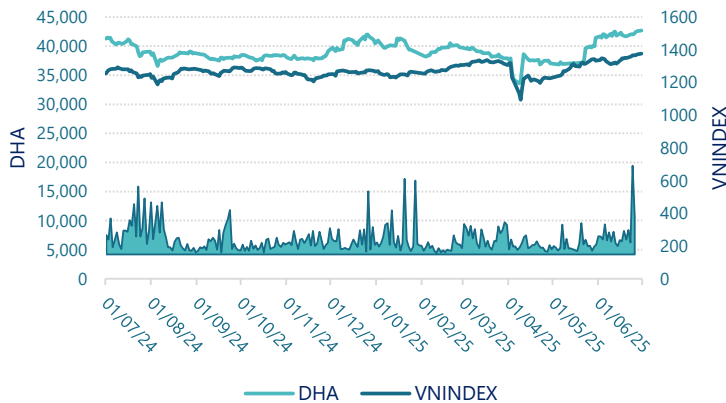




CTCP Hóa An (HSX: DHA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	43,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,681
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,590
SL cổ phiếu LH	14,726,073
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85,160
% sở hữu nước ngoài	11.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	646
P/E	8.0
EPS	5,466

DT thuần

Q2/25

121

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.5 | 60.4%

YoY: ▲ 38.7 | 47.1%

LN sau thuế

Q2/25

32.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.90 | 32.3%

YoY: ▲ 13.2 | 69.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

33.3%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

6T 2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0 | 20.0%

LN sau thuế

6T 2025

56.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.8 | 103%

ROE

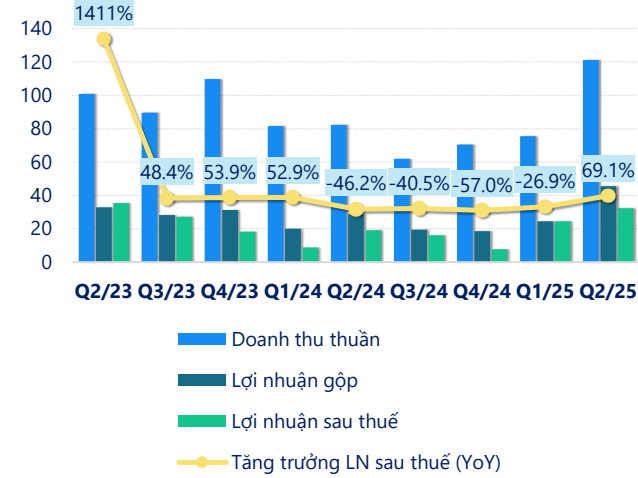
Q2/25

18.7%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

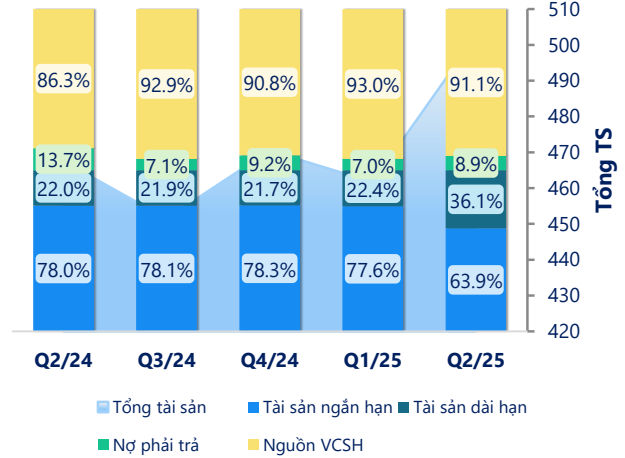
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

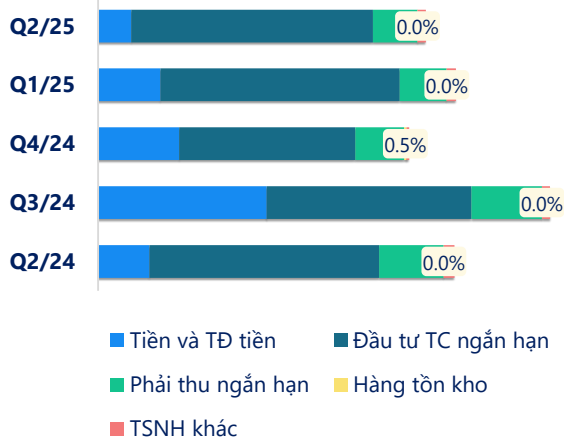
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



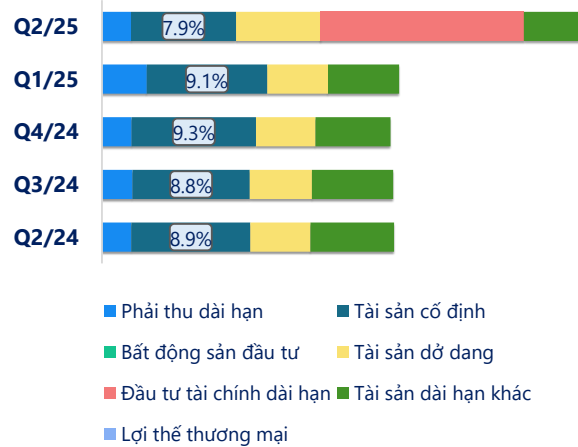
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

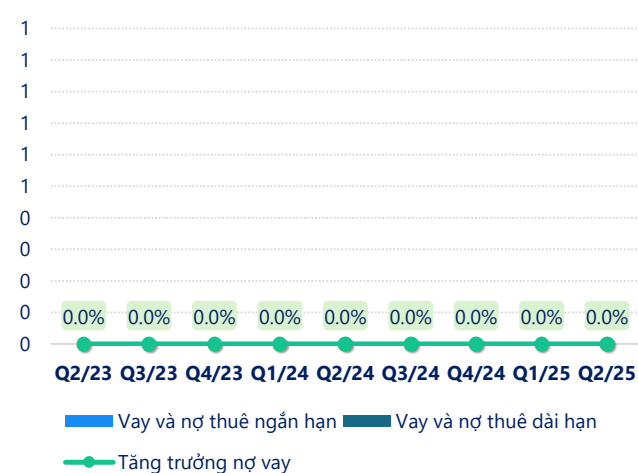
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

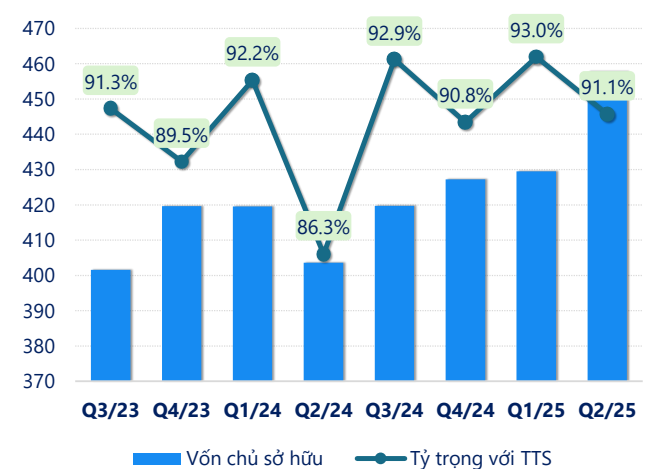
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

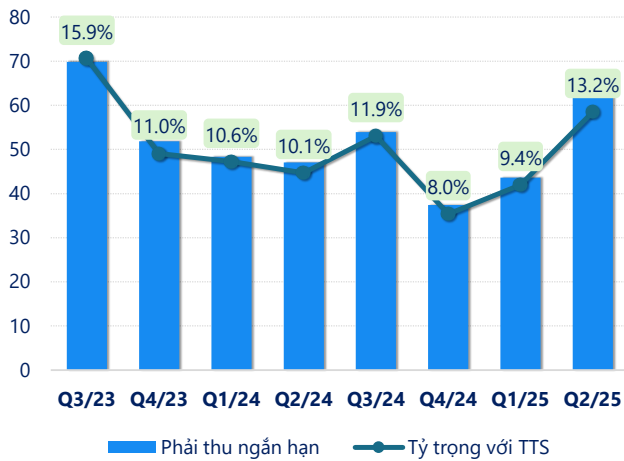
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



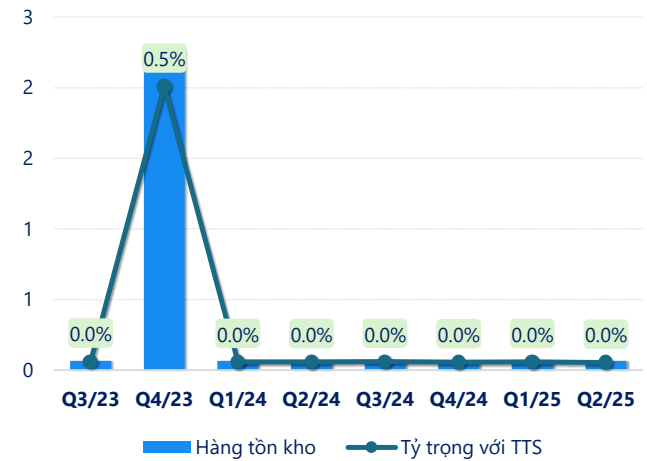
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


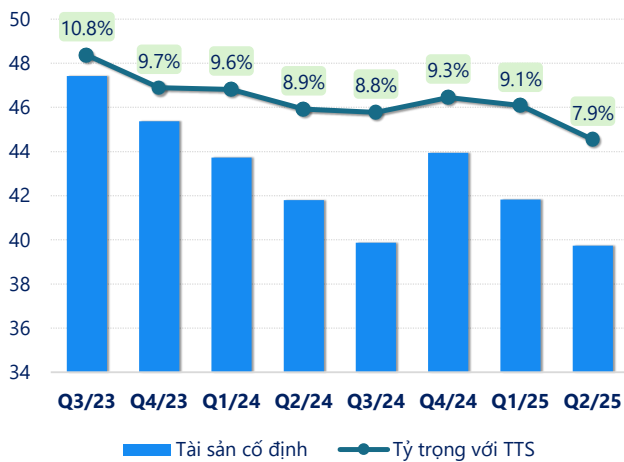
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


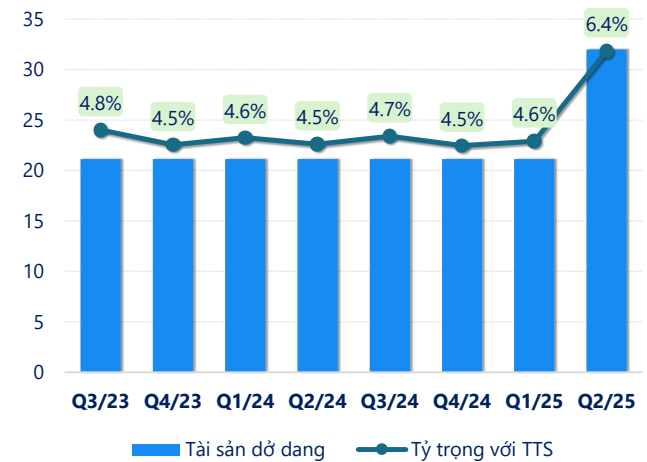
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

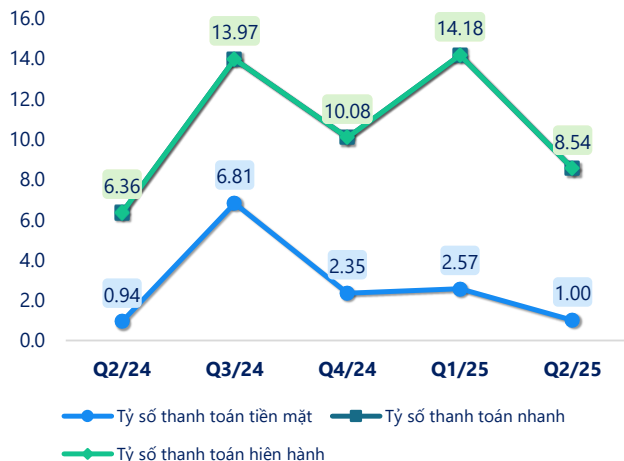
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

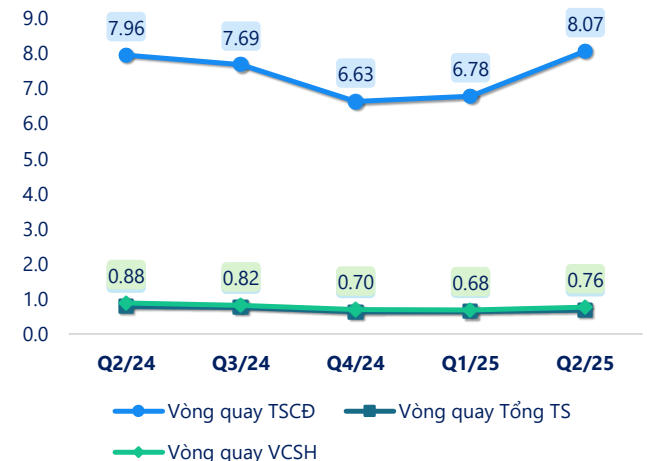
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	468	452	470	462	502
Tài sản ngắn hạn	365	353	368	358	321
Tiền và tương đương tiền	54.0	172	86.0	65.0	37.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	255	119	240	245	211
Phải thu ngắn hạn	47.0	53.9	37.4	43.6	66.2
Hàng tồn kho	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản ngắn hạn khác	8.65	7.47	4.54	4.47	6.72
Tài sản dài hạn	103	98.9	102	103	181
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	10.5	15.5	10.9
Tài sản cố định	41.8	39.9	43.9	41.8	39.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.1	21.1	21.1	21.1	32.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	76.8
Tài sản dài hạn khác	29.4	27.5	26.5	24.7	21.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	63.9	31.9	43.2	32.2	44.8
Nợ ngắn hạn	57.4	25.2	36.5	25.3	37.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.71	4.78	7.35	8.57	11.4
Nợ dài hạn	6.56	6.62	6.72	6.91	7.22
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	404	420	427	429	458
Vốn chủ sở hữu	404	420	427	429	458
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)